

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1007/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-9-2020

V/v TrAh chấp ly hôn

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2020 về việc “TrAh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Mỹ A**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: D19/13D ấp 4, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: D19/13D ấp 4, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 07/02/2020, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 09/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S bắt đầu chung sống từ năm 2001, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân dân xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2001. Thời gian đầu bà và ông S chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng thường

xuân cã nhau. Bà và ông S sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung, bà và ông S chung sống có một con chung tên Nguyễn Huỳnh Minh T, sinh ngày 12/11/2001, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, bà A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, bà A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Văn S vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, trAh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn S. Theo kết quả trả lời xác minh của Công An xã Tân Kiên thì ông S hiện thực tế có cư trú tại địa chỉ D19/13D ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2000 cho đến nay, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà A theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho ông Nguyễn Văn S nhưng ông S vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 120, Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/12/2001 có cơ sở xác định qua hệ hôn nhân giữa bà A và ông S là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A xác định giữa bà và ông S phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng qua điếm sống, tính tình không còn hòa hợp. Vì vậy, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông S.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân thì không nắm được mâu thuẫn giữa bà A và ông S. Tuy nhiên, việc bà A và ông S mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân là có diễn ra. Ông S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà A và ông S đã không đạt được, do đó, bà A yêu cầu ly hôn đối với ông S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Bà A xác nhận giữa bà và ông S có một con chung tên Nguyễn Huỳnh Minh T, sinh ngày 12/11/2001, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Bà A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông S vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung giữa ông và bà A. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của bà A, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Bà A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông S vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về nợ chung giữa ông và bà A. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của bà A, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ A đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ A được ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Qua hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Mỹ A và ông Nguyễn Văn S chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 120, Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/12/2001 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ A và ông Nguyễn Văn S có một con chung tên Nguyễn Huỳnh Minh T, sinh ngày 12/11/2001, đã thành niên, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.3 Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà A đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0078604 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAD Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã Tân Kiên, H. Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Trần Thị Hồng Cẩm